

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 415 /TTg-V.III

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2016

V/v trả lời chất vấn của Đại biểu
 Quốc hội Nguyễn Thị Kim Thúy

CỘNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ... 5 ...
	Ngày: 11/3/2016

Kính gửi: Đại biểu Nguyễn Thị Kim Thúy - Đoàn Đại biểu Quốc hội
 Thành phố Đà Nẵng.

Thủ tướng Chính phủ nhận được chất vấn của Đại biểu Quốc hội Nguyễn Thị Kim Thúy, Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố Đà Nẵng tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIII như sau:

Nội dung chất vấn:

Tại Kỳ họp thứ 9 tôi đã chất vấn Thủ tướng về trách nhiệm của Chính phủ chuẩn bị giải pháp hạn chế rủi ro khi Cộng đồng ASEAN ra đời, thị trường ASEAN trở thành thị trường chung hàng hóa doanh nghiệp, lao động các nước ASEAN tự do vào Việt Nam từ ngày 31 tháng 12 năm nay, sau khi chất vấn tôi nhận được văn bản trả lời do Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải ký, xin cảm ơn Phó Thủ tướng về việc này. Tuy nhiên, tôi phải thành thực nói văn bản trả lời chưa sát với nội dung chất vấn, chỉ còn hơn 1 tháng nữa thôi thì Việt Nam sẽ gia nhập cộng đồng ASEAN, tôi thấy từ người lao động cho đến doanh nghiệp chưa có tâm thế sẵn sàng và cũng chưa thấy Chính phủ công bố giải pháp gì cho vấn đề này, tôi đề nghị Thủ tướng cho biết: Thứ nhất, vì sao cho đến nay Chính phủ vẫn chưa có hoặc chưa công bố giải pháp gì cho vấn đề này, ai là người chịu trách nhiệm cho sự chậm trễ đó. Thứ hai, để tránh tình trạng sản xuất bị đình đốn, hàng hóa nội địa ế ẩm, lao động trong nước tăng thất nghiệp khi mà hàng hóa, doanh nghiệp lao động các nước ASEAN tự do vào Việt Nam, mỗi doanh nghiệp, mỗi người lao động cần làm gì. Thứ ba, Chính phủ có biện pháp gì để hỗ trợ cho doanh nghiệp và người lao động tránh rủi ro, với tư cách là người đứng đầu Chính phủ, Thủ tướng có cam kết gì trước người dân và doanh nghiệp?

Về vấn đề này, Thủ tướng Chính phủ xin trả lời Đại biểu như sau:

Các cam kết của Việt Nam trong WTO, ASEAN hay trong các Hiệp định thương mại tự do (FTA) đã tham gia đều không áp dụng đối với các biện pháp tác động đến thị trường lao động, quốc tịch, cư trú hay việc làm thường xuyên của Việt Nam. Trên thực tế, vấn đề quản lý hoạt động xuất cảnh, nhập cảnh, thị trường lao động là nội dung quan trọng không chỉ với Việt Nam mà còn với hầu hết các nước, đặc biệt là các nước phát triển, kể cả các nước trong ASEAN như Bru-nây, Ma-lai-xia, Xinh-ga-po... Do đó, các Hiệp định của WTO và các Hiệp định FTA mà Việt Nam đã tham gia đều cho phép áp dụng các biện pháp cần thiết để quản lý các hoạt động xuất cảnh, nhập cảnh và lưu trú của các cá nhân.

Trong khuôn khổ Cộng đồng ASEAN, trong đó có Cộng đồng Kinh tế (AEC), tính đến tháng 11 năm 2015 Việt Nam đã cùng các nước ASEAN ký kết Hiệp định di chuyển thể nhân ASEAN (năm 2012), và 8 thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau (MRA) về các dịch vụ chuyên môn là: dịch vụ kỹ thuật (năm 2005), dịch vụ điều dưỡng (năm 2006), dịch vụ kiến trúc (năm 2007), chứng chỉ giám sát khảo sát (năm 2007), người hành nghề y (năm 2009), người hành nghề nha khoa (năm 2009), thỏa thuận khung về kế toán (năm 2009) và sau đó được kế thừa bởi MRA về kế toán (năm 2014), thỏa thuận về nghề du lịch (năm 2012). Về cơ bản, cho tới nay, cam kết di chuyển lao động có tay nghề của Việt Nam trong ASEAN phù hợp với khuôn khổ quy định trong nước hiện hành. Các cam kết này sẽ triển khai theo lộ trình nên tác động trực tiếp đến ta là không lớn. Có thể đánh giá việc triển khai các cam kết này liên quan tới lao động chỉ tương đương mức Việt Nam đã áp dụng khi gia nhập WTO và tuân thủ hệ thống pháp luật hiện hành của Việt Nam.

Khi tham gia AEC, WTO và các Hiệp định FTA, một trong những lợi thế lớn của Việt Nam là có lực lượng lao động dồi dào và cơ cấu lao động trẻ. Tuy nhiên, Việt Nam cần tăng số lượng các lao động có kỹ năng, lao động có trình độ cao. Tham gia AEC cũng gián tiếp tạo điều kiện cho Việt Nam thúc đẩy, nâng cao chất lượng nguồn lao động theo hướng này.

Việc tham gia ASEAN và các cam kết hội nhập khu vực cho đến nay đã góp phần quan trọng tạo nền tảng cho các bước hội nhập tiếp theo của Việt Nam, bao gồm bình thường hóa quan hệ và ký kết Hiệp định thương mại song phương với Hoa Kỳ năm 2000, gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO) năm 2007, tham gia đàm phán, ký kết và chuẩn bị ký kết nhiều hiệp định thương mại tự do thế hệ mới trong thời gian gần đây.

Cộng đồng Kinh tế ASEAN thực chất được xây dựng trên nền tảng CEPT/AFTA. Đây là một tiến trình hội nhập kinh tế lâu dài, với thời gian 20 năm đối với Việt Nam. Bên cạnh đó, ngay từ khi gia nhập, Chính phủ đã đàm phán để Việt Nam được hưởng linh hoạt kéo dài lộ trình cam kết, như duy trì hàng rào thuế quan đối với một số mặt hàng nhạy cảm (xăng dầu, thuốc lá...) đến năm 2018 để các doanh nghiệp có thời gian chuẩn bị, trong khi các nước ASEAN-6 đã cơ bản hoàn tất lộ trình vào năm 2010 với mức độ tự do hóa tới 99% biểu thuế của các nước này.

Điều quan trọng đối với Chính phủ là đảm bảo lợi ích về tổng thể cho nền kinh tế, đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp, người dân tăng cường tận dụng cơ hội hay đối phó hiệu quả với thách thức đặt ra.

1. Công tác triển khai Chương trình hành động của Chính phủ đối với việc tham gia ASEAN và các cam kết hội nhập khu vực:

a) Các cam kết của Việt Nam khi tham gia Cộng đồng Kinh tế ASEAN hầu hết trong khuôn khổ pháp lý của Việt Nam, không làm phát sinh thay đổi hiện trạng, theo đó, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành được giao nhiệm vụ đã ban hành các văn bản để tổ chức thực hiện như:

- Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 31 tháng 01 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế làm việc và phối hợp giữa các cơ quan tham gia hợp tác ASEAN của Việt Nam;

- Quyết định số 1461/QĐ-TTg ngày 23 tháng 8 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Chỉ đạo về điều phối kết nối ASEAN của Việt Nam;

- Quyết định số 1536/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2013, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Kế hoạch triển khai Chương trình hành động của Chính phủ về tuyên truyền, quảng bá ASEAN giai đoạn 2013 – 2015 và sau năm 2015; danh mục các hoạt động tuyên truyền, quảng bá ASEAN và trách nhiệm của các Bộ, cơ quan liên quan;

- Quyết định số 604/QĐ-TTg ngày 08 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Tăng cường kết nối giao thông vận tải trong ASEAN đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Nội luật hóa Cơ chế một cửa ASEAN (ASW) tại Luật Hải quan năm 2014 và Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

- Quyết định số 1161/QĐ-TTg ngày 23 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án hội nhập thông kê ASEAN giai đoạn 2016 – 2020.

- Tại Công văn số 2693/VPCP-QHQT ngày 16 tháng 12 năm 2015 của Văn phòng Chính phủ về kết quả dự Hội nghị cấp cao ASEAN – 27, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng Đề án Kế hoạch hành động hội nhập kinh tế ASEAN, tập trung vào việc thực thi lộ trình tổng thể xây dựng Cộng đồng kinh tế ASEAN (ABC) tới năm 2025, trình Chính phủ xem xét, quyết định.

b) Các cam kết về thuế được thực thi bằng các Thông tư của Bộ Tài chính về thuế suất và Thông tư của Bộ Công Thương về quy tắc xuất xứ, cụ thể là:

- Quyết định số 36/2008/QĐ-BTC ngày 12 tháng 6 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định về chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) của các nước ASEAN giai đoạn 2008-2013;

- Thông tư số 161/2011/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2011 của Bộ Tài chính ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN giai đoạn 2012 - 2014;

- Thông tư số 165/2014/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Bộ Tài chính ban hành biểu thuế ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN giai đoạn 2015-2018;

- Thông tư số 01/2010/TT-BCT ngày 08 tháng 01 năm 2010 của Bộ Công Thương thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định về chương trình ưu đãi thuế

quan có hiệu lực chung (CEPT) để thành lập Khu vực thương mại tự do ASEAN (AFTA);

- Thông tư số 21/2010/TT-BCT ngày 17 tháng 5 năm 2010 của Bộ Công Thương thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định thương mại hàng hoá ASEAN;

- Thông tư số 42/2014/TT-BCT ngày 18 tháng 11 năm 2014 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2010/TT-BCT ngày 17 tháng 5 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định thương mại hàng hoá ASEAN;

- Thông tư số 28/2015/TT-BCT ngày 20 tháng 8 năm 2015 của Bộ Công Thương quy định việc thực hiện thí điểm tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN.

c) Để phổ biến về Cộng đồng Kinh tế ASEAN, Chính phủ đã có chương trình truyền thông được triển khai từ năm 2010 đến nay, cung cấp nhiều ấn phẩm, tài liệu tham khảo; tổ chức hội thảo liên tục hàng năm ở các tỉnh, thành phố trên cả ba miền đất nước để cập nhật thông tin cho cộng đồng doanh nghiệp và cơ quan quản lý địa phương.

d) Để tăng cường năng lực trong nước nhằm vận dụng các cơ hội của hội nhập kinh tế, Chính phủ đã triển khai các nhóm giải pháp ở nhiều phương diện:

- Nhóm giải pháp về phát triển thị trường và thương hiệu (mở rộng thị trường xuất khẩu và thị trường nội địa cho doanh nghiệp, xây dựng thương hiệu sản phẩm, doanh nghiệp, ngành, quốc gia):

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các văn bản để tổ chức thực hiện như:

+ Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011 - 2020, định hướng đến năm 2030 (Quyết định số 2471/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2011) và Chương trình hành động thực hiện Chiến lược (Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2012);

+ Đề án phát triển các thị trường khu vực thời kỳ 2015 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (Quyết định số 1467/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2015);

+ Đề án thúc đẩy doanh nghiệp Việt Nam tham gia trực tiếp các mạng phân phối nước ngoài giai đoạn đến năm 2020 (Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03 tháng 9 năm 2015).

Qua đó, giao Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan, địa phương, hiệp hội, doanh nghiệp liên quan tổ chức triển khai hàng loạt nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy mở rộng thị trường xuất khẩu; tiếp tục nghiên cứu, đề ra các giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam.

+ Đề án phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam" giai đoạn 2014 - 2020 (Quyết định số 634/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2014);

+ Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo giai đoạn 2015 - 2020 (Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2015);

+ Chương trình phát triển thương mại điện tử quốc gia giai đoạn 2014 - 2020 (Quyết định số 689/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2014).

Qua đó, giao Bộ Công Thương, các cơ quan, địa phương thực hiện nhiều giải pháp phát triển, mở rộng thị trường trong nước, khuyến khích đẩy mạnh sản xuất hàng Việt Nam chất lượng cao, hệ thống phân phối hàng hóa, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, tăng cường kiểm tra, kiểm soát thị trường...

+ Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển thương hiệu gạo Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (Quyết định số 706/QĐ-TTg ngày 21 tháng 5 năm 2015), giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương, các cơ quan liên quan nhiều giải pháp đồng bộ để xây dựng và phát triển thương hiệu mặt hàng xuất khẩu chủ lực này, đồng thời tiếp tục nghiên cứu, đẩy mạnh công tác xây dựng và phát triển thương hiệu đối với những nhóm hàng tiềm năng xuất khẩu khác.

- Nhóm giải pháp tổ chức lại sản xuất nhằm nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng, năng lực cạnh tranh (như chuyển đổi phương thức sản xuất từ nhỏ, phân tán sang lớn, tập trung, từ gia công sang các công đoạn có giá trị cao hơn):

Thông qua các hoạt động thuộc các Chương trình cơ khí trọng điểm; chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2010; Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020; Chương trình nâng cao năng suất chất lượng, sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020..., Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Công Thương chủ trì hoặc phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan liên quan triển khai thực hiện nhiều hoạt động nhằm tổ chức, cải tiến sản xuất nhằm nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng, năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp trong và ngoài ngành.

- Nhóm giải pháp về hỗ trợ doanh nghiệp (xúc tiến thương mại, nghiên cứu và dự báo thị trường, đổi mới công nghệ, bảo vệ thương hiệu, đào tạo nhân lực, phát triển cơ sở hạ tầng và cải thiện môi trường kinh doanh):

Hàng năm, thông qua các Chương trình Xúc tiến thương mại Quốc gia; Chương trình khuyến công quốc gia; các Chương trình phát triển hạ tầng điện, hạ tầng thương mại; các hoạt động thực hiện Nghị quyết số 19/NQ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia hai năm 2015 - 2016; các hoạt động thường xuyên của Bộ về công tác khoa học và công nghệ, các chương trình đào tạo..., Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Công Thương tổ chức nhiều đoàn xúc tiến thương mại tại nhiều quốc gia là thị trường chủ lực, thị trường tiềm năng cho hàng hóa xuất khẩu của doanh nghiệp Việt Nam; thực hiện nhiều hoạt động góp phần hỗ trợ các doanh nghiệp trong công tác đổi mới công

nghệ; đào tạo cán bộ quản lý và người lao động cho doanh nghiệp; phát triển cơ sở hạ tầng và cải thiện môi trường kinh doanh cho doanh nghiệp...

- Nhóm giải pháp tăng cường vai trò hỗ trợ và liên kết của các hiệp hội ngành hàng:

+ Thủ tướng Chính phủ đã giao các Bộ, ngành chủ động thực hiện các hoạt động nhằm tăng cường vai trò hỗ trợ và liên kết của các hiệp hội ngành hàng thuộc ngành quản lý của đơn vị mình.

+ Để đối phó với các thách thức và tác động tiêu cực, nhìn nhận thẳng thắn một số yếu kém trong cơ cấu nền kinh tế Việt Nam cũng như năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, hàng hóa Việt Nam, Chính phủ đã triển khai các biện pháp quản lý nhập khẩu với mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội bền vững nhưng vẫn phù hợp với các cam kết quốc tế. Các nhóm biện pháp này bao gồm: i) biện pháp về thuế (chuyển đổi từ các biện pháp thuế nhập khẩu sang các biện pháp thuế nội địa phù hợp); ii) biện pháp cấm nhập khẩu vì mục tiêu an ninh quốc gia, an toàn môi trường, an toàn lao động, sức khỏe con người, động thực vật; iii) giấy phép nhập khẩu (gồm giấy phép nhập khẩu tự động và giấy phép nhập khẩu của Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành); iv) hạn ngạch thuế quan; v) danh mục hàng tiêu dùng không khuyến khích nhập khẩu hay các mặt hàng kiểm soát vì mục tiêu bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và an toàn giao thông đường bộ (ô tô), chống việc nhập khẩu hàng giả, hàng kém chất lượng và tăng cường chống gian lận thương mại (rượu, mỹ phẩm, điện thoại di động, thuốc lá điếu, xì gà); vi) chính sách tỷ giá (chế độ neo tỷ giá điều chỉnh dần); vii) các biện pháp phòng vệ thương mại (chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ); viii) các biện pháp kỹ thuật chuyên ngành (quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, xuất xứ hàng hóa, v...).

2. Doanh nghiệp và người dân cần có sự chủ động chuẩn bị và phối hợp với Chính phủ như sau:

- Chủ động tiếp cận thông tin về Cộng đồng Kinh tế ASEAN đã đăng tải trên trang thông tin điện tử của các cơ quan Chính phủ liên quan, bao gồm Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công Thương và các Bộ, cơ quan ngang Bộ tham gia công tác Cộng đồng Kinh tế ASEAN (theo Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 31 tháng 01 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế làm việc và phối hợp giữa các cơ quan tham gia hợp tác ASEAN của Việt Nam).

- Tích cực tham vấn, tham gia trao đổi thông tin về các vấn đề Cộng đồng Kinh tế ASEAN liên quan đến hoạt động kinh doanh, đầu tư của mình qua nhiều nhóm đầu mối, gồm có: các hiệp hội chuyên ngành; các cơ quan quản lý địa phương (Sở Công Thương và các Sở chuyên ngành); các Bộ, cơ quan ngang Bộ nêu trên; cơ quan chủ trì đàm phán các thỏa thuận thương mại (trên cơ sở Quyết định số 06/2012/QĐ-TTg ngày 20 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ quy định quyền hạn, trách nhiệm, phạm vi tham vấn giữa cơ quan chủ trì đàm phán và cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam trong quá trình chuẩn bị và tiến hành đàm phán các thỏa thuận thương mại quốc tế).

- Tích cực nắm bắt các chính sách, biện pháp trong nước của Chính phủ nhằm tận dụng sự hỗ trợ về đầu tư, kinh doanh và phát triển phù hợp với định hướng nâng cao chất lượng, năng lực cạnh tranh và giá trị gia tăng trong sản xuất của Việt Nam trong thời gian tới.

- Thay đổi tư duy về sản xuất, tiêu dùng: Cộng đồng Kinh tế ASEAN là một thị trường cũng như cơ sở sản xuất nên mọi hoạt động sản xuất, tiêu dùng cần nhìn rộng ở tầm khu vực ASEAN và Đông Á. Do đó, doanh nghiệp và người dân đều cần trau dồi các kỹ năng liên kết với doanh nghiệp, người tiêu dùng ASEAN, chẳng hạn như khả năng sử dụng ngôn ngữ quốc tế tiếng Anh, các loại hình công nghệ thông tin để giao dịch, tăng cường các hoạt động giao lưu thương mại - văn hóa trong khu vực...

Xin cảm ơn Đại biểu và Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố Đà Nẵng đã quan tâm đến vấn đề trên././

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng CP;
- Trưởng Đoàn ĐBQH Tp Đà Nẵng;
- Văn phòng Quốc hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ: QHQT, TH, TKBT, KTN; TGD Công TTĐT;
- Lưu: VT, V.III(3). 28

